

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/HS-ST
Ngày 07-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Thẩm phán: Ông Phùng Đức Chính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hùng Cường ;

Ông Nguyễn Đại Dương;

Bà Lê Thị Mạnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2026/TLST-HS, ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 4 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 07/TAND-THS, ngày 16 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Phan Văn H, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1979 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã K, tỉnh Lạng Sơn); số CCCD: 020079007101; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B1, xã K, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N và bà Trần Thị P; có vợ là Nông Thị T; con: Có 04 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-10-2024; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị T - Luật Sư, Văn Phòng Luật sư H- Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1985; trú tại Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nông Thị B, sinh năm 1962; trú tại: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

3. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 2006; trú tại: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị N:* bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1983, trú tại: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

2. Bà Nông Thị T, sinh năm 1978, trú tại: Thôn B1, xã K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1985; có mặt;

2. Chị Lộc Thị D, sinh năm 1992; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1981; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 01/9/2024, tại quán bia của ông Hoàng Văn Q ở thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Văn T1 cùng Hoàng Văn C và Phan Văn H cùng uống bia, rượu. Trong khi uống, Hoàng Văn T1 vay Phan Văn H 360.000 đồng và đưa cho Phan Văn H xe mô tô HONDA WAVE biển số 12Z1-085.63 của gia đình để làm tin. Đến 03 giờ ngày 02/9/2024, Hoàng Văn C rủ Hoàng Văn T1 đi hát karaoke nên Hoàng Văn T1 đã vay của Mã Văn B số tiền 5.000.000 đồng để chi tiêu, Hoàng Văn T1 đã trả cho Phan Văn H số tiền 360.000 đồng và lấy lại chiếc xe mô tô rồi đưa cho Mã Văn B để làm tin.

Đến ngày 02/9/2024, sau khi tỉnh rượu, Phan Văn H cho rằng quá trình uống rượu Hoàng Văn T1 đã vay của Phan Văn H số tiền 2.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô cho Phan Văn H để làm tin nhưng Hoàng Văn T1 chưa trả tiền cho Phan Văn H mà đã lấy xe mô tô đi, Phan Văn H đã tìm gặp Hoàng Văn T1 để đòi tiền thì Hoàng Văn T1 nói đã đưa xe cho Mã Văn B. Sợ Hoàng Văn T1 không trả tiền, Phan Văn H đến gặp Mã Văn B đưa cho Mã Văn B số tiền 5.000.000 đồng và lấy xe mô tô của Hoàng Văn T1 đi. Vợ của Hoàng Văn T1 là Hoàng Thị N đã gặp Phan Văn H trả số tiền 5.000.000 đồng và hứa sẽ trả số tiền 2.000.000 đồng còn lại, Phan Văn H đồng ý và đưa xe cho Hoàng Thị N. Sau đó, Hoàng Văn T1 nói cho Phan Văn H biết Hoàng Văn T1 không vay của Phan Văn H 2.000.000 đồng nên khi Phan Văn H đòi tiền, hai bên xảy ra mâu thuẫn.

Khoảng 16 giờ ngày 22/10/2024, Phan Văn H điều khiển xe mô tô HONDA WAVE 12Z-03541 đến nhà Hoàng Văn T1 ở thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn. Khi đến gần nhà của Hoàng Văn T1, Phan Văn H mở cốp xe mô tô lấy 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 20cm, màu đen, một lưỡi sắc, mũi nhọn, giấu vào túi quần trước bên phải và đi vào nhà Hoàng Văn T1 đòi tiền. Tại phòng ngủ của Hoàng Văn T1, Phan Văn H đòi tiền Hoàng Văn T1 không được nên bực tức dùng tay phải đâm 01 phát vào đầu của Hoàng Văn T1, rồi tiếp tục dùng tay phải lấy dao trong túi quần ra, tay phải cầm dao đâm 01 phát vào vùng trán trái của Hoàng Văn T1.

Sau đó, Phan Văn H cắt dao vào túi quần trước bên phải và đi ra ngoài sân thì gặp Hoàng Thị N và chị Hoàng Thị T đang đứng nói chuyện. Phan Văn H đi đến gần Hoàng Thị N đòi tiền nhưng Hoàng Thị N không trả, hai bên xảy ra cãi nhau. Phan Văn H bực tức, dùng tay trái nắm lấy cổ áo trước ngực của Hoàng Thị N kéo về phía Phan Văn H thì mẹ của Hoàng Văn T1 là bà Nông Thị B và con trai của Hoàng Văn T1 là Hoàng Văn T đi đến. Phan Văn H dùng tay phải đâm 01 phát vào vùng ngực của Hoàng Thị N làm Hoàng Thị N khom người, cúi đầu về phía trước, Phan Văn H rút dao từ trong túi quần bên phải, tay phải cầm dao hướng từ trên xuống dưới, Hoàng Thị N giơ tay trái lên trên đỡ, Phan Văn H cầm dao đâm liên tiếp 03 phát từ trên xuống trúng vào vùng gan bàn tay trái, vùng thái dương phải, vùng cổ sau và vùng vai trái của Hoàng Thị N. Bà Nông Thị B và anh Hoàng Văn T vào can ngăn, Phan Văn H thả tay trái đang giữ áo của Hoàng Thị N ra, tay phải cầm dao khua một phát ngang vai hướng từ phải qua trái trúng vào vùng dưới cằm bên trái bà Nông Thị B. Hoàng Văn T tiếp tục can ngăn thì Phan Văn H dùng tay phải cầm dao khua một phát ngang sườn hướng từ phải qua trái trúng vào ngón tay áp út bên tay trái của Hoàng Văn T, bà Nông Thị B và anh Hoàng Văn T bỏ chạy. Thấy Hoàng Thị N nằm tại sân và chảy nhiều máu, Phan Văn H cầm dao điều khiển xe mô tô bỏ đi. Khi đi đến khu vực đường liên thôn thuộc thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn, Phan Văn H đã vứt con dao dùng xuống tà luy âm cạnh đường rồi trốn đến nhà người quen là anh Nông Văn T tại thôn B, Đội 4, xã H, tỉnh Quảng Ninh. Đến ngày 31/10/2024, Phan Văn H đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đầu thú.

Tại Kết luận giám định số 13/KLTTCT-TTPY ngày 27/12/2024, của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống đối với Hoàng Văn T1: Vùng xước da vùng trán trái - thái dương trái hiện tại đã hồi phục hoàn toàn không để lại di vết, không có căn cứ xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hoàng Văn T1 tại thời điểm giám định là 0%.

Tại Kết luận giám định số 03/KLTTCT-TTPY ngày 23/12/2024, của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống đối với Nông Thị B gồm: Sẹo vết thương vùng cằm trái 03%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây nên.

Tại Kết luận giám định số 04/KLTTCT-TTPY ngày 23/12/2024, của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận giám định tổn thương trên cơ thể

người sống đối với Hoàng Văn T gồm: Sẹo vết thương mặt sau đốt 2 ngón IV bàn tay trái 01%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây nên.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống (tại thời điểm) số 364/KLTTCT-TTPY ngày 24/10/2024, của Trung tâm Pháp y tỉnh Lạng Sơn, đối với Hoàng Thị N gồm: Các vết thương vùng thái dương phải, cổ sau, vai trái và vết sây xước bầy tay trái, tỷ lệ giám định tại thời điểm 03%.

Tại Kết luận giám định số 05/KLTTCT-TTPY ngày 23/12/2024, của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận giám định bổ sung tổn thương trên cơ thể người sống đối với Hoàng Thị N gồm: Sẹo vết thương vùng thái dương phải 01%, sẹo vết thương vùng cổ sau 01%, sẹo vết thương vùng vai trái 01%, sẹo vết xây xước gan bàn tay trái 01%, tổn thương tủy gây giảm cảm giác nửa người 31%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hoàng Thị N tại thời điểm giám định là 34%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây nên. Đối với các thương tích của Hoàng Thị N nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến hậu quả chết người.

Tại Kết luận giám định số 1974/KLGD ngày 11/11/2025, của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền Trung, đối với bị can Phan Văn H tại thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và thời điểm hiện tại:

- Theo tiêu chuẩn y học: Động kinh cơn lớn có biến đổi trí năng, nhân cách mức độ vừa (G40-ICD-10).

- Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Cáo trạng số: 60/CT-VKS-P2 ngày 09-02-2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phan Văn H về tội Giết người, theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội Cố ý gây thương tích quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và trước phiên tòa sơ thẩm, bị hại Hoàng Thị N yêu cầu bị cáo Phan Văn H bồi thường thiệt hại tổng số tiền 380.000.000 đồng; bị hại anh Hoàng Văn T yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng; bị hại bà Nông Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T1 yêu cầu bồi thường theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phan Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T (là vợ của bị cáo) xác nhận đã thay mặt bị cáo Phan Văn H bồi thường cho bà Hoàng Thị N 70.000.000 đồng (trong đó đưa tiền mặt 46.000.000 đồng, nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn 24.000.000 đồng); bồi thường trực tiếp cho bà Nông Thị B số tiền 5.000.000 đồng; nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn để bồi thường cho anh Hoàng Văn T 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại Hoàng Thị N yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000 đồng, xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường 70.000.000 đồng và tiếp tục yêu cầu bồi thường thêm số tiền còn lại 230.000.000 đồng; bị hại Hoàng Văn T yêu cầu số tiền 3.000.000, xác nhận đã bồi thường được 1.000.000 đồng, này còn phải bồi thường 2.000.000 đồng. Qua thỏa thuận, giữa bị cáo và bị hại Hoàng Thị N, Hoàng Văn T đã thống nhất, cụ thể bị cáo Phan Văn H có trách nhiệm bồi thường cho Hoàng Thị N tổng số tiền là 150.000.000 đồng; cho Hoàng Văn T tổng số tiền 2.000.000 đồng, đã bao gồm số tiền bồi thường trước đó. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 80.000.000 đồng cho Hoàng Thị N, 1.000.000 đồng cho Hoàng Văn T.

Bị hại bà Nông Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe tổng số tiền 20.000.000 đồng, xác nhận bà Nông Thị T là vợ bị cáo đã bồi thường thay bị cáo được 5.000.000 đồng, tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại 15.000.000 đồng; ông Hoàng Văn T1 không yêu cầu bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; xác định bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Hoàng Thị N số tiền 70.000.000 đồng; cho bà Nông Thị B 5.000.000 đồng; cho Hoàng Văn T 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, giữa bị cáo và bị hại Hoàng Thị N, Hoàng Văn T đã tự thỏa thuận với nhau về mức bồi thường; bị cáo có bố đẻ là ông Phan Văn N được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang và tặng nhiều giấy khen; huy hiệu 30 năm, 45 năm tuổi Đảng; bị cáo đến Công an đầu thú; bản thân bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Văn H phạm tội Giết người và tội Cố ý gây thương tích. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với tội Giết người; căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với tội Cố ý gây thương tích. Xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 06 năm đến 07 năm tù về tội Giết người và từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội Cố ý gây thương tích. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành thành hình phạt chung. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận về phần bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại Hoàng Thị N, Hoàng Văn T; giữa bị cáo và bị hại Nông Thị B không thỏa thuận được phần bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định tại các điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự, chấp nhận khoản tiền chi phí cho việc cứu chữa và ấn định mức bồi thường tổn thất tinh thần từ 01 đến 02 tháng lương cơ sở. Đối với ông Hoàng Văn T1 vì không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí

theo quy định của pháp luật. Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo cơ bản nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về trách nhiệm hình sự cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo bị truy tố đối với bị hại Hoàng Thị N về tội Giết người là không có căn cứ vì bị cáo không có mục đích nhằm tước đoạt sinh mạng của bị hại mà bị cáo thực hiện hành vi của mình trong trạng thái bức tức và hành vi diễn ra quá nhanh trong thời gian ngắn; bị cáo không nhận thức được hậu quả do hành vi của mình gây ra là nguy hiểm cho tính mạng của người khác mà chỉ nhằm gây thương tích cho bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo không thắc mắc, không kêu oan mà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, điều này thể hiện bị cáo nhận thức hạn chế về hành vi của bản thân. Do đó, Luật sư xác định bị cáo chỉ phạm tội Cố ý gây thương tích, không phải phạm tội Giết người như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận về phần bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Hoàng Thị N: Bị cáo bị truy tố về 02 tội, trong đó có bị hại Hoàng Thị N trong tội Giết người. Trong vụ án này bị cáo dùng dao sắc nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào những vùng trọng yếu của bị hại và bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho tính mạng của người khác, do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp Giết người có tính chất côn đồ. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, giữa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận về phần bồi thường, do đó đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận về phần bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt một số người làm chứng, có người đã có đơn xét xử vắng mặt, người làm chứng đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị

cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp với các Bản kết luận giám định pháp y; phù hợp với kiểm tra dấu vết trên thân thể bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ ngày 22/10/2024, tại nhà của Hoàng Văn T1 ở thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn, Phan Văn H đến nhà đòi tiền Hoàng Văn T1 và có hành vi sử dụng 01 con dao nhọn dài khoảng 20 cm đâm liên tiếp nhiều nhát vào vùng gan bàn tay trái, vùng thái dương phải, vùng cổ sau và vùng vai trái của chị Hoàng Thị N làm tổn thương 34% sức khỏe, nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến hậu quả chết người. Khi được can ngăn, Phan Văn H tiếp tục cầm dao làm tổn thương 3% sức khỏe của bà Nông Thị B và 01% sức khỏe của Hoàng Văn T.

[4] Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho rằng bị cáo không phạm tội giết người đối với bị hại Hoàng Thị N mà là tội Cố ý gây thương tích, thấy rằng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi mà chỉ bị bệnh dẫn đến bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên bị cáo vẫn đủ nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm đến tính mạng của người khác, vi phạm pháp luật điều này thể hiện tại biên bản lấy lời khai khi bị cáo ra đầu thú (BL 50) đã khai nhận: “... *dùng dao có mũi nhọn đâm liên tiếp vào vùng vị trí gáy, vai trái, vùng đầu của Nhung*”. Như vậy, bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm đâm liên tiếp vào những vùng trọng yếu của bị hại, hậu quả làm bị hại bị tổn thương tùy gây giảm cảm giác nửa người, thể hiện vết đâm của bị cáo rất sâu và mạnh, sau đó bị cáo bỏ mặc bị hại không cứu giúp, hành vi của bị cáo chỉ chấm dứt khi các bị hại khác vào can ngăn; nếu bị hại không được cứu chữa kịp thời thì có thể nguy hiểm cho tính mạng của bị hại. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Phan Văn H về tội Giết người và tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ, đúng tội, đúng người, đúng pháp luật, không oan. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phan Văn H phạm tội Giết người theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và tội Cố ý gây thương tích theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt, bức tức mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện tính côn đồ của bị cáo, thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường luân thường, đạo lý, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, gây hoang mang lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh trước pháp luật.

[6] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn H có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá

trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bản thân bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Sau khi xảy ra sự việc mặc dù đã bỏ trốn khỏi địa phương, nhưng được người thân vận động, bị cáo đã đến Công an đầu thú; bị cáo đã nhờ vợ là bà Nông Thị T bồi thường cho gia đình bị hại để khắc phục hậu quả mà bị cáo đã gây ra và thực tế đã bồi thường cho bị hại Hoàng Thị N tổng số tiền 70.000.000 đồng, cho bà Nông Thị B số tiền 5.000.000 đồng, cho bị hại Hoàng Văn T 1.000.000 đồng; bị cáo có bố đẻ là ông Phan Văn N được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang và giấy khen; được tặng Huy hiệu 30 năm, 45 năm tuổi Đảng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với tội Giết người, bị hại không chết nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, cần áp dụng các điều 15, 57 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo theo quy định.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo, đảm bảo góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Do bị cáo bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự cần tổng hợp hình phạt của hai tội thành một hình phạt chung bị cáo phải chấp hành.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Trước phiên tòa, bị hại Hoàng Thị N yêu cầu bồi thường số tiền 380.000.000 đồng; Hoàng Văn T yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng; bà Nông Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; ông Hoàng Văn T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường. Bà Nông Thị T đã thay mặt bị cáo Phan Văn H bồi thường cho bà Hoàng Thị N 70.000.000 đồng; cho bà Nông Thị B 5.000.000 đồng; cho anh Hoàng Văn T 1.000.000 đồng.

[9.1] Tại phiên tòa giữa bị cáo và bị hại Hoàng Thị N, Hoàng Văn T đã tự thỏa thuận về bồi thường trách nhiệm dân sự, cụ thể bị cáo bồi thường cho Hoàng Thị N số tiền là 150.000.000 đồng đã bao gồm số tiền bồi thường trước đó là 70.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 80.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày tuyên án; bồi thường cho Hoàng Văn T 2.000.000 đồng đã bao gồm số tiền 1.000.000 đồng trước đó. Xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến bên thứ ba, Hội đồng xét xử cần công nhận thỏa thuận này.

[9.2] Đối với yêu cầu của bị hại Nông Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường 15.000.000 đồng còn lại. Do các bên không thỏa thuận được về phần bồi thường nên Hội đồng xét xử thấy: Bị hại Nông Thị B không phải đi nằm viện điều trị thương tích mà chỉ ra Trạm xá xã K băng bó vết thương hết 100.000 đồng sau đó về nhà vẫn hoạt động và sinh hoạt bình thường. Tại phiên tòa bị hại Nông Thị B không đưa ra các khoản bồi thường cụ thể và không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự, chấp nhận bồi thường tổn thất tinh

thần là 02 tháng lương cơ sở là 4.680.000 đồng cộng tiền băng bó vết thương tại Trạm xá để phục hồi vết thương là hợp lý. Bị cáo đã chấp nhận bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng là phù hợp với thiệt hại và đã bồi thường xong số tiền này nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận ý kiến này của bị cáo.

[10] Về vật chứng: 01 con dao Phan Văn H sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được; đối với xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 12Z-03541 Phan Văn H sử dụng đi đến nhà Hoàng Văn T1, mang tên Nông Thị T là vợ của Phan Văn H; ngày 22/12/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nông Thị T; ngoài ra không có vật chứng nào khác, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, ý kiến nào phù hợp với quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận; ý kiến nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[12] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 38, Điều 50, của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 357, Điều 468, Điều 584; Điều 585; Điều 586 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn H phạm tội Giết người và tội Cố ý gây thương tích.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phan Văn H 06 (sáu) năm tù về tội Giết người; 06 (sáu) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) tội buộc bị cáo

phải chấp hành thành hình phạt chung là 06 (sáu) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 31-10-2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận về phân bồi thường trách nhiệm dân sự giữa bị cáo Phan Văn H và các bị hại bà Hoàng Thị N, anh Hoàng Văn T, cụ thể:

- Buộc bị cáo Phan Văn H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Hoàng Thị N số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại 70.000.000 đồng (trong đó bao gồm số tiền 46.000.000 đồng đưa trực tiếp cho bị hại và 24.000.000 đồng thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000636 ngày 05/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn), bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bà Hoàng Thị N số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);

- Buộc bị cáo Phan Văn H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Hoàng Văn T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), xác nhận bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000635 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh Hoàng Văn T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

3.2. Buộc bị cáo Phan Văn H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Nông Thị B số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), xác nhận bị cáo đã bồi thường xong số tiền này cho bị hại.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí: Bị cáo Phan Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06, PC01 CA tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người TGT;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Tòa HS, HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí